

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 1

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tỉ số phần trăm của 7 và 40 là:

- A. 1,75% B. 17,5% C. 35% D. 24%

Phương pháp

Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số, ta làm như sau:

- Tìm thương của hai số.
- Nhân thương của hai số đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

Lời giải

Tỉ số phần trăm của 7 và 40 là $7 : 40 = 0,175 = 17,5\%$

Đáp án: B

Câu 2. Số đo $0,045 \text{ m}^3$ đọc là:

- A. Không phải bốn lăm mét khối.
B. Bốn mươi lăm phần trăm mét khối.
C. Không phải không trăm bốn mươi lăm mét khối.
D. Không phải không trăm bốn mươi lăm mét.

Phương pháp

Khi đọc số đo thể tích, ta đọc số trước rồi đọc kí hiệu đơn vị đo thể tích.

Lời giải

Số đo $0,045 \text{ m}^3$ đọc là: Không phải không trăm bốn mươi lăm mét khối.

Đáp án: C

Câu 3. Trên một tấm bản đồ, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 15cm. Khoảng cách này trên thực tế là 300km. Hỏi bản đồ này được vẽ theo tỉ lệ nào?

- A. 1 : 20 000 B. 1 : 200 000 C. 1 : 20 000 000 D. 1 : 2 000 000

Phương pháp

- Đổi 300 km sang đơn vị cm
- Tỉ lệ bản đồ = khoảng cách trên bản đồ : khoảng cách thực tế

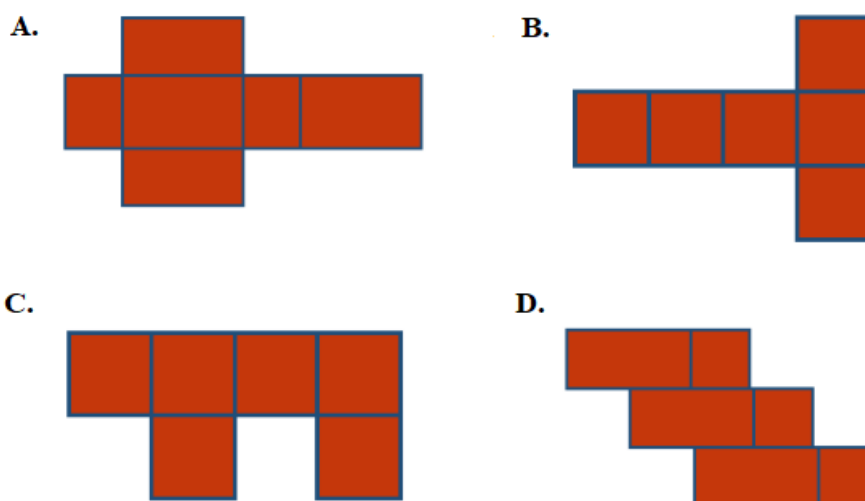
Lời giải

Đổi: $300 \text{ km} = 30\,000\,000 \text{ cm}$

Tỉ lệ bản đồ là: $15 : 30\,000\,000 = 1 : 2\,000\,000$

Đáp án: D

Câu 4. Trong các hình dưới đây, hình nào là hình khai triển của hình hộp chữ nhật?



Phương pháp

Hình hộp chữ nhật có 4 mặt bên và 2 mặt đáy đều là hình chữ nhật.

Lời giải

Hình A là hình khai triển của hình hộp chữ nhật.

Đáp án: A

Câu 5. Hai thùng dầu chứa tổng cộng 126 lít. Biết số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{5}{2}$ số dầu ở thùng thứ hai. Hỏi thùng thứ nhất chứa bao nhiêu lít dầu?

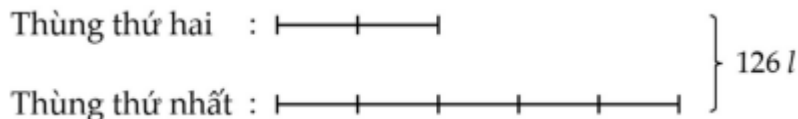
- A. 36 lít
- B. 90 lít
- C. 108 lít
- D. 18 lít

Phương pháp

- Vẽ sơ đồ
- Tìm tổng số phần bằng nhau
- Số lít dầu ở thùng thứ nhất = tổng số lít dầu : tổng số phần x số phần lít dầu ở thùng thứ nhất

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 5 = 7 \text{ (phần)}$$

Thùng thứ nhất có số lít dầu là:

$$126 : 7 \times 5 = 90 \text{ (lít)}$$

Đáp án: B

Câu 6. Diện tích toàn phần hình lập phương có cạnh là 8 dm là:

- A. 512 dm² B. 256 dm² C. 384 dm² D. 128 dm²

Phương pháp

Diện tích toàn phần hình lập phương = cạnh x cạnh x 6

Lời giải

Diện tích toàn phần hình lập phương có cạnh là 8 dm là: $8 \times 8 \times 6 = 384$ (dm²)

Đáp án: C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền vào bảng sau:

Hiệu	150	343
Tỉ số	$\frac{2}{7}$	$\frac{3}{10}$
Số bé		
Số lớn		

Phương pháp

- Tìm hiệu số phần bằng nhau
- Số bé = hiệu : hiệu số phần x số phần của số bé
- Số lớn = số bé + hiệu hai số

Lời giải

Hiệu	150	343
Tỉ số	$\frac{2}{7}$	$\frac{3}{10}$
Số bé	60	147
Số lớn	210	490

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

- a) $6 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ cm}^3$ d) $3 \text{ dm}^3 25 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$
 b) $8 \text{ m}^3 52 \text{ dm}^3 \dots\dots\dots \text{ m}^3$ e) $12,087 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$
 c) $3,7 \text{ m}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$ f) $73 054 \text{ cm}^3 = \dots\dots\dots \text{ dm}^3$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ dm}^3 = 1 000 \text{ cm}^3$; $1 \text{ m}^3 = 1 000 \text{ dm}^3$

Lời giải

a) $6 \text{ dm}^3 = 6\,000 \text{ cm}^3$

d) $3 \text{ dm}^3 25 \text{ cm}^3 = 3,025 \text{ dm}^3$

b) $8 \text{ m}^3 52 \text{ dm}^3 = 8,052 \text{ m}^3$

e) $12,087 \text{ m}^3 = 12\,087 \text{ dm}^3$

c) $3,7 \text{ m}^3 = 3\,700 \text{ dm}^3$

f) $73\,054 \text{ cm}^3 = 73,054 \text{ dm}^3$

Câu 3. Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5 m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

Phương pháp

- Tìm số mét vải bị co lại
- Tìm chiều dài tấm vải sau khi giặt = Chiều dài tấm vải ban đầu - số mét vải bị co lại

Lời giải

Sau khi giặt, tấm vải bị co lại số mét là:

$$24,5 : 100 \times 2 = 0,49 \text{ (m)}$$

Sau khi giặt, tấm vải dài số mét là:

$$24,5 - 0,49 = 24,01 \text{ (m)}$$

Đáp số: 24,01 mét

Câu 4. Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước bên trong lòng hồ là chiều dài 20 m, chiều rộng 10 m và chiều sâu 12 dm. Người ta lát gạch men xung quanh (bên trong) và đáy hồ.

a) Tính diện tích phần lát gạch?

b) Hồ bơi đó có thể chứa được nhiều nhất bao nhiêu lít nước?

Phương pháp

a) Diện tích phần lát gạch chính là diện tích xung quanh của hồ bơi.

1. Đổi 12 dm sang đơn vị m

2. Diện tích phần lát gạch = (chiều dài + chiều rộng) x 2 x chiều sâu

b) Thể tích hồ bơi = chiều dài x chiều rộng x chiều sâu

Đổi từ đơn vị m^3 sang đơn vị lít

Lời giải

a) Diện tích phần lát gạch chính là diện tích xung quanh của hồ bơi.

Đổi: 12 dm = 1,2 m

Diện tích phần lát gạch là:

$$(20 + 10) \times 2 \times 1,2 = 72 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Hồ bơi đó có thể chứa được nhiều nhất số lít nước là:

$$20 \times 10 \times 1,2 = 240 \text{ (m}^3\text{)} = 240\,000 \text{ lít}$$

Đáp số: a) 72 m^2

b) 240 000 lít